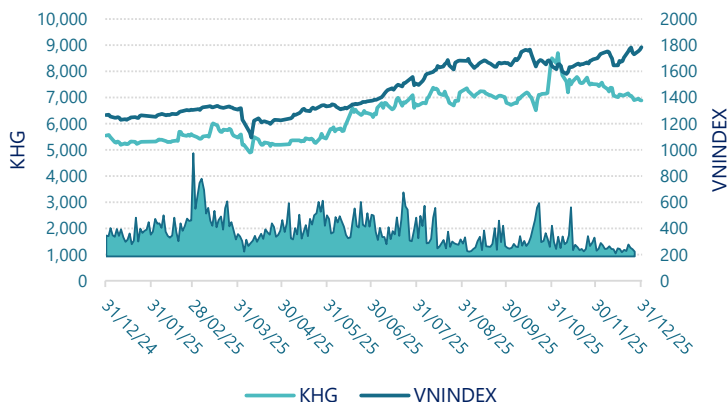




CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,890
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
SL cổ phiếu LH	449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,290,450
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,097
P/E	46.6
EPS	148

DT thuần

Q4/25

237

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 101 | 74.0%

YoY: ▲ 123 | 108%

LN sau thuế

Q4/25

12.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 5.90 | -32.2%

YoY: ▼ 0.70 | -5.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

35.5%

+/- YoY: ▼ 25.9%

DT thuần

2025

619

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 309 | 99.8%

LN sau thuế

2025

66.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.8 | 21.6%

ROE

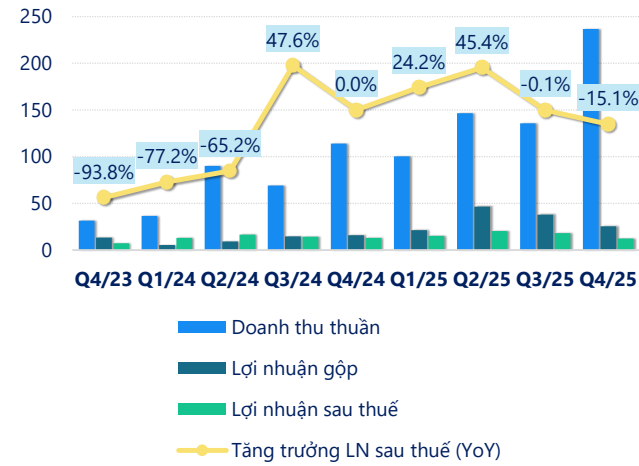
2025

1.3%

+/- YoY: ▲ 0.2%

tỷ VNĐ

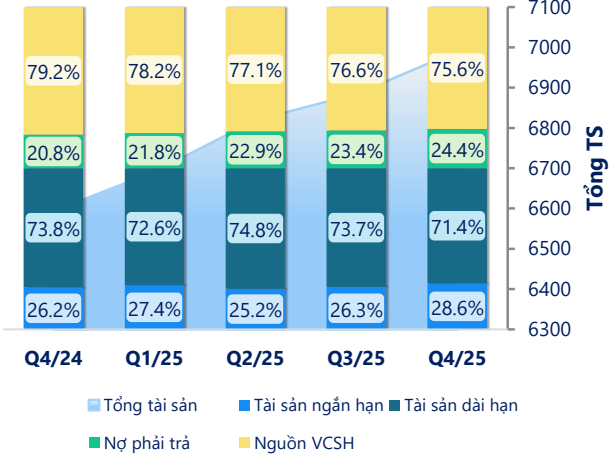
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

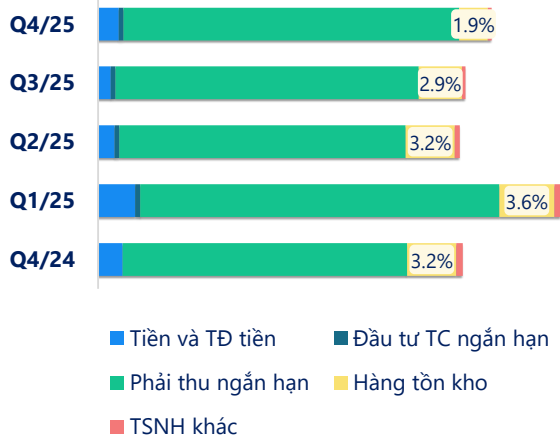
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



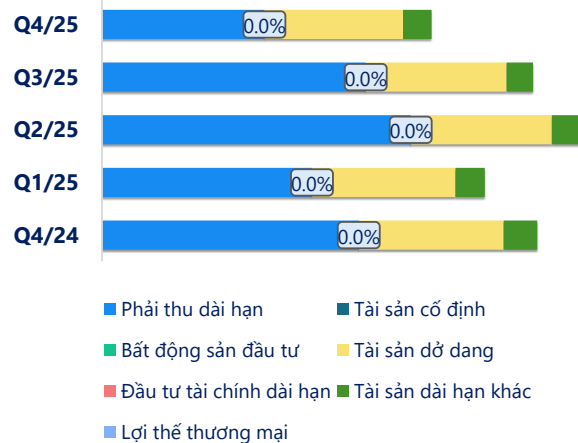
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

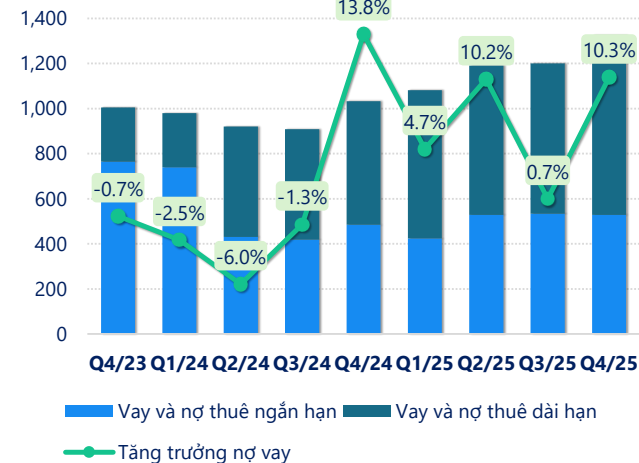
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

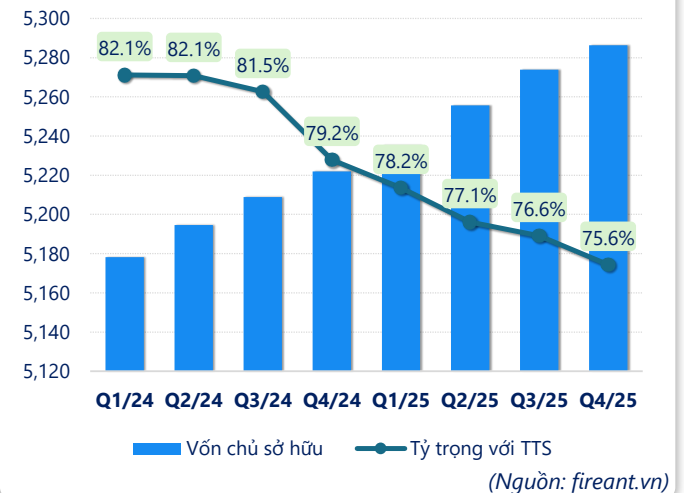
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

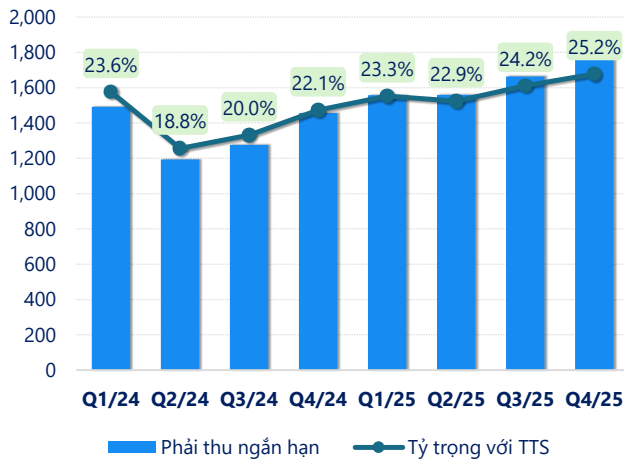
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



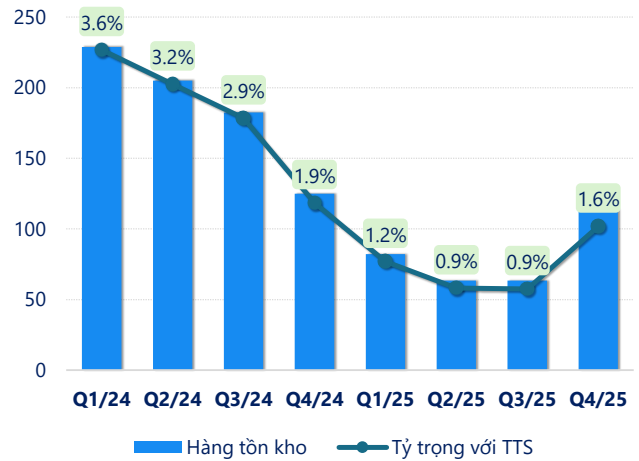
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


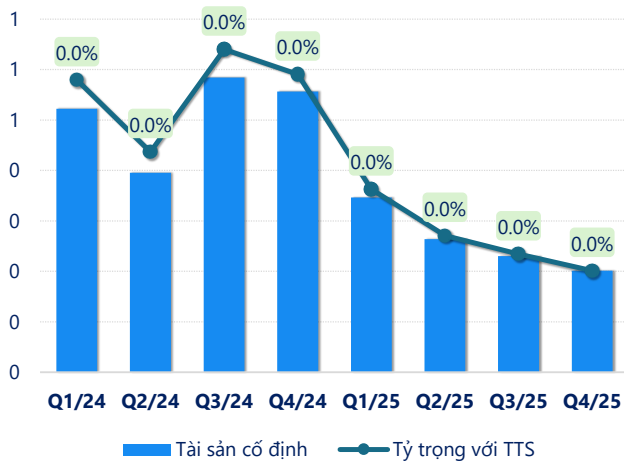
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


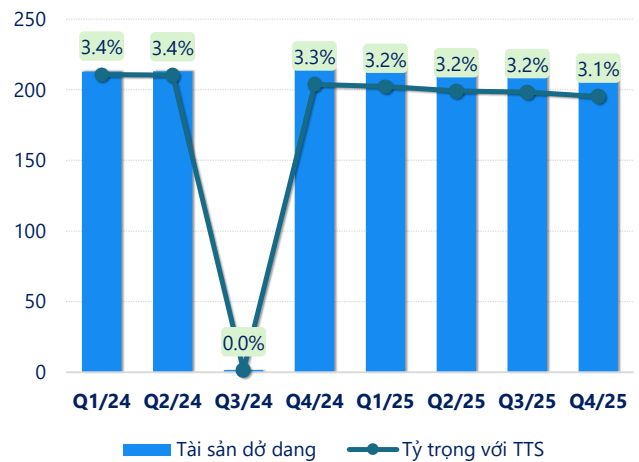
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

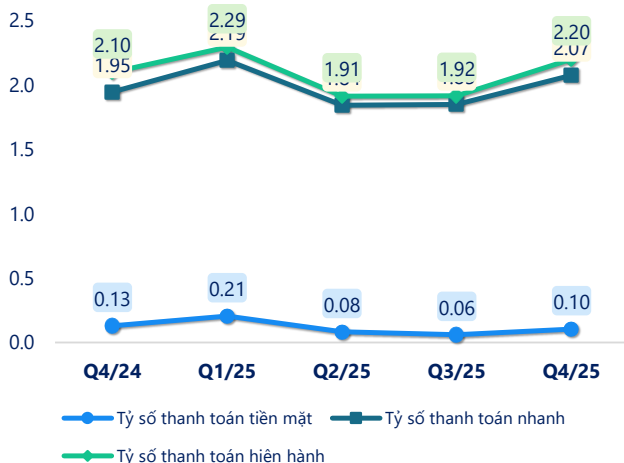
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	6,594	6,691	6,819	6,884	6,990
Tài sản ngắn hạn	1,726	1,831	1,719	1,809	1,997
Tiền và tương đương tiền	107	164	74.3	57.0	94.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.1	21.1	21.1	21.1	20.3
Phải thu ngắn hạn	1,457	1,558	1,559	1,664	1,759
Hàng tồn kho	125	82.2	63.3	63.3	114
Tài sản ngắn hạn khác	16.4	5.81	1.85	3.48	8.80
Tài sản dài hạn	4,868	4,860	5,099	5,076	4,993
Phải thu dài hạn	4,602	4,599	4,839	4,816	4,730
Tài sản cố định	0.56	0.35	0.26	0.23	0.20
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	215	217	217	219	218
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	50.3	44.4	43.0	41.3	45.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,372	1,456	1,563	1,610	1,704
Nợ ngắn hạn	823	798	899	944	908
Vay và nợ thuê ngắn hạn	485	424	528	534	528
Phải trả người bán ngắn hạn	22.1	19.6	7.86	9.21	7.51
Nợ dài hạn	549	657	664	666	796
Vay và nợ thuê dài hạn	548	657	664	666	796
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,222	5,235	5,256	5,274	5,286
Vốn chủ sở hữu	5,222	5,235	5,256	5,274	5,286
Vốn điều lệ	4,494	4,494	4,494	4,494	4,494
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)